

Bản án số: 12/2026/HS-ST

Ngày: 26-01-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

Bà Trương Thị Thu Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 148/2025/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Việt C, sinh năm 2003; tại: Thanh Hóa; số CCCD: 038203026240; nơi thường trú: Khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Trung S và bà Vũ Thị C1; bị cáo có vợ và 01 người con; tiền án: Ngày 13/5/2024, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2024/HS-ST. Bị cáo chấp hành xong án phí ngày 16/7/2024; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/9/2025 và tạm giam cho đến nay, có mặt.

2. Văn Văn T1, sinh năm 1988; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; số CCCD: 074088008685; nơi thường trú: Số B, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Văn H và bà Trần Thị Như S1 (đã chết); bị cáo có vợ và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/9/2025, đến ngày 17/9/2025 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Bị hại: Bà Chu Thị Thanh Kim H1, sinh năm 1990; CCCD số: 06819009330; thường trú tại: Số C, đường P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số A, đường Đ, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Bùi Thị Kiều M, sinh năm 2005; CCCD số: 074305008611; thường trú tại: Khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1994; CCCD số: 0911940016255; thường trú tại: Số B, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

3. Bà Trần Thị T, sinh năm 1977; thường trú tại: Số A, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 31/8/2025, Đỗ Việt C điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave S, biển số 61R1 - 8220 đi từ phường T, Thành phố Hồ Chí Minh đến phường C, Thành phố Hồ Chí Minh để lấy thịt bò về nấu bán quán ăn. Khi C đi đến đoạn đường Đ, thuộc khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh thì nhìn thấy ngôi nhà tại địa chỉ số A đường Đ, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh của chị Chu Thị Thanh Kim H1 trên tầng lầu mở đèn sáng, cửa phòng mở nên C nảy sinh ý định đột nhập vào nhà tìm tài sản lấy trộm. C leo rào trèo lên lầu vào trong nhà và nhìn thấy chị H1 đang nằm ngủ, C đi xuống tầng trệt lục mở túi xách màu đen của chị H1 lấy trộm số tiền 130.000 đồng, rồi quay lại lên tầng lầu và vào trong phòng nơi chị H1 nằm ngủ lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xám; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím chị H1 để trên nệm và bỏ cất giấu vào túi quần đang mặc và trèo tường ra ngoài tẩu thoát.

Đến 08 giờ cùng ngày, C lấy điện thoại của vợ C tên Bùi Thị Kiều M điện cho Trần Văn T1 qua tài khoản "TT mobile" nói có 02 điện thoại cần bán (do trước đó C đã bán cho T1 01 điện thoại của C nên C biết được số điện thoại T1) thì T1 đồng ý mua và hẹn C đến nhà T1 tại địa chỉ số B, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi xem điện thoại, do 02 điện thoại không mở được mật khẩu nên T1 biết đây là tài sản do C phạm tội mà có nên T1 trả giá mua 01 điện thoại Iphone 13 Promax, màu xám; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím với giá 3.000.000 đồng nhưng C không đồng ý bán. Khoảng 15 phút sau C quay lại thì C và T1 thỏa thuận được giá bán và T1 đồng ý mua 02 điện thoại trên với giá 5.000.000 đồng, T1 trả cho C 1.500.000 đồng tiền mặt và 3.500.000 đồng Trung chuyển khoản từ số tài khoản 0281000357578 của T1 mở tại Ngân hàng TMCP N (V) sang số tài khoản 0564525486 của C mở tại Ngân hàng TMCP Q (M1). Sau khi có được tiền, C đã tiêu xài cá nhân và chơi game hết.

Đối với T1, sau khi mua 02 điện thoại trên T1 đã tháo rời linh kiện điện tử nhằm mục đích bán lại để kiếm lời nhưng chưa bán được thì bị phát hiện.

Đối với chị Chung Thị Thanh Kim H2, ngày 06/9/2025 chị H2 đến Công an phường B trình báo sự việc. Qua kiểm tra định vị, truy vết tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H khám xét nơi ở của Trần Văn T1 phát hiện và thu giữ một số bộ phận của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu xanh xám như màn hình, pin, camera, vỏ, không có main; Một số bộ phận của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím như màn hình, pin, camera, vỏ, không có main và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K50 Ultra, số IMEI 1: 862986063243353 của T1 sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời yêu cầu Trần Văn T1, Đỗ Việt C về trụ sở công an phường B làm việc và C, T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp thành phố số 05/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2025, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xám, dung lượng 1Tb (không thu hồi được) có giá trị 11.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, dung lượng 256Gb (không thu hồi được), trị giá 13.000.000 đồng.

Cáo trạng số 58/CT-VKSKV15 ngày 31/12/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố:

- Bị cáo Đỗ Việt C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Văn Văn T1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Đỗ Việt C với mức án từ 18 tháng - 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Văn Văn T1 với mức án từ 09 tháng - 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng - 24 tháng.

* Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K50 Ultra, số IMEI 1: 864649062311724, do T1 sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội

* Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị xử lý.

Các bị cáo Đỗ Việt C3, Văn Văn T1 thống nhất với bản Cáo trạng và bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn các quyết định tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Việt C, Văn Văn T1 không có ý kiến khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra và V1. Do đó, Tòa xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và V1 thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Việt C3, Văn Văn T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 03 giờ ngày 31/8/2025, tại địa chỉ số A, đường Đ, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Đỗ Việt C lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Chung Thị Thanh Kim H2 gồm: Số tiền 130.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xám, trị giá 11.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, trị giá 13.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo C chiếm đoạt của chị H2 là 24.130.000 đồng. Hành vi mà bị cáo Đỗ Việt C thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoảng 08 giờ ngày 31/8/2025, địa chỉ số B, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Văn Văn T1 biết rõ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xám và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím. Tổng giá trị 02 điện thoại di động là 24.000.000 đồng do Đỗ Việt C chiếm đoạt của người khác nhưng vẫn đồng ý mua lại với số tiền 5.000.000 đồng. Do đó, hành vi của Văn Văn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Đỗ Việt C, Văn Văn T1 có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo C, T1 theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực

tiếp. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo C đã bị kết án (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2024/HS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại khoản 1 Điều 53 và là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đỗ Việt C, Văn Văn T1 phạm tội nhưng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; các bị cáo C, T1 đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Chu Thị Thanh K Huệ số tiền 35.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Việt C; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Văn Văn T1.

Xét bị cáo T1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 03/VBHN - TANDTC ngày 10/7/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo cho bị cáo T1 hưởng án treo.

[6] Căn cứ vào nhân thân, hậu quả xảy ra, tính chất, mức độ của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo T1 là phù hợp; đối với bị cáo C có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử sẽ xử mức án thấp hơn mức án mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu, Redmi K50 Ultra, số I: 862986063243353, đây là phương tiện bị cáo Văn Văn T1 sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội và còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 09/9/2025, bà Bùi Thị Kiều M và bà Nguyễn Thị C2 là vợ của Đỗ Việt C và Văn Văn T1 đã tự nguyện bồi thường cho chị Chu Thị Thanh K Huệ số tiền 35.000.000 đồng. Bà M, bà C2 không yêu cầu bị cáo C và bị cáo T1 trả lại số tiền đã bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106; các Điều 136, 260, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 268 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2025;

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 03/VBHN - TANDTC ngày 10/7/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Việt C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tuyên bố bị cáo Văn Văn T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Việt C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Văn Văn T1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án 26/01/2026.

Giao bị cáo Văn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Văn Văn T1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T1 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu, Redmi K50 Ultra, số I: 862986063243353.

(Thể hiện tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số E. ngày 23/01/2026 giữa Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và Công an Thành phố H).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Đỗ Việt C, Văn Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh (PV06);
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 - TP. Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam Bình Dương thuộc Trại tạm giam số 2, Công an TP. HCM;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15);
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường Thuận An, TP. HCM;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huỳnh Minh Trí